ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên CTĐT: Quản lý công nghệ thông tin

Tên tiếng anh: Information Technology Management

Mã ngành: 8480204

Trình độ: THẠC SĨ.

Khoa quản lý: Công nghệ thông tin

(Ban hành tại Quyết định số 1410/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 05/12/2024
của Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

Thái Nguyên năm 2024

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
II. TRIẾT LÝ VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 3
II.1. Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo 3
II.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo 4
II.3. Tương thích giữa sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục với mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs) 4
III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 5
III.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes & Performance Indicators) 5
III.2. Tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo 6
IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ 6
IV.1 Vị trí việc làm sau tốt nghiệp 6
IV.2 Học tập nâng cao trình độ 7
V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP 7
VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 7
VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 9
VII.1. Khung chương trình đào tạo 9
VII.2. Lưu đồ đào tạo 13
VII.3 Ma trận thể hiện đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra 14
VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP 16
VIII.1 Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm 16
VIII.2 Thư viện, phần mềm hỗ trợ dạy và học 16
IX. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ 16
IX.1 Các phương pháp dạy - học 16
IX.2 Các phương pháp đánh giá 16
IX.3 Đánh giá kết quả học tập 16
IX.4 Đánh giá học phần 17
X. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC 17
X.1 Hỗ trợ về học tập, nghiên cứu 17
X.2 Hỗ trợ về sinh hoạt 17
PHỤ LỤC 1: MÔ TẢ VẮN TẮT CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 18
PHỤ LỤC 2: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA 27
PHỤ LỤC 3: ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO 30

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1410/QĐ-ĐHCNTT&TT ngày 05/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Đơn vị được giao quản lý & trang Web	**Khoa Công nghệ thông tin** (https://fit.ictu.edu.vn)
Tên chương trình	**Quản lý Công nghệ thông tin**
Ngành đào tạo	**Quản lý Công nghệ thông tin**
Mã số ngành đào tạo	**8480204**
Trình độ đào tạo	**Thạc sĩ**
Hình thức đào tạo	**Chính quy**
Thời gian đào tạo	**2 năm**
Ngôn ngữ đào tạo	**Tiếng Việt**
Tên văn bằng tốt nghiệp	**Thạc sĩ Quản lý Công nghệ thông tin**
Thông tin kiểm định chất lượng	
Thời điểm cập nhật, điều chỉnh	

II. TRIẾT LÝ VÀ MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

II.1. Triết lý giáo dục của cơ sở đào tạo

- **Tầm nhìn**: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông trở thành Trường đại học ứng dụng, đa ngành, trên nền tảng số hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.
- **Sứ mạng**: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng ngắn hạn; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phù hợp với Chiến lược Quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước.
- **Giá trị cốt lõi**: Đổi mới - Sáng tạo – Tận tâm – Đoàn kết.
- **Triết lý giáo dục**: Lấy người học làm trung tâm; Lấy trường đại học làm nơi ươm tạo, nuôi dưỡng tài năng; Lấy kỹ năng nhân lực số toàn cầu làm phương tiện kiến tạo tương lai người học.

II.2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

II.2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Quản lý CNTT nhằm trang bị cho học viên kiến thức lý thuyết sâu rộng ở mức độ làm chủ kiến thức về quản lý doanh nghiệp và công nghệ thông tin; kỹ năng phản biện, phân tích, tổng hợp và đánh giá dữ liệu, thông tin một cách khoa học và hiện đại để quản lý và ứng dụng các công nghệ thông tin tiên tiến trong việc điều hành và phát triển doanh nghiệp; kỹ năng truyền bá phổ biến tri thức trong lĩnh vực quản lý và công nghệ thông tin; có khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường nghề nghiệp thay đổi; có khả năng hướng dẫn người khác thực hiện nhiệm vụ và khả năng quản lý, đánh giá, cải tiến để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý doanh nghiệp và ứng dụng công nghệ thông tin.

Học viên sẽ được đào tạo để trở thành những nhà quản lý có khả năng định hướng chiến lược, thực hiện chuyển đổi số và tối ưu hóa hoạt động doanh nghiệp thông qua việc ứng dụng các hệ thống thông tin hiện đại.

II.2.2. Mục tiêu cụ thể

PEO 1. Học viên tốt nghiệp có thể lên chiến lược phát triển doanh nghiệp qua ứng dụng CNTT: Cung cấp cho học viên khả năng phân tích và đánh giá hoạt động doanh nghiệp dựa trên các công cụ CNTT để định hướng chiến lược và tối ưu hóa nguồn lực.

PEO 2. Học viên tốt nghiệp có thể triển khai chuyển đổi số cho doanh nghiệp: Hướng dẫn học viên thiết lập kế hoạch và quản lý dự án chuyển đổi số, nhằm nâng cao hiệu quả và cạnh tranh cho doanh nghiệp.

PEO 3. Học viên tốt nghiệp có thể vận hành doanh nghiệp dựa trên CNTT: Đào tạo học viên cách thức điều hành và quản lý các hệ thống CNTT trong doanh nghiệp, đảm bảo an ninh thông tin và quản trị hiệu quả hạ tầng mạng doanh nghiệp.

PEO 4. Học viên tốt nghiệp có thể nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý: Phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và ứng dụng các công nghệ hiện đại vào quản lý và điều hành doanh nghiệp.

II.3. Tương thích giữa sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục với mục tiêu của chương trình đào tạo (PEOs)

Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý của cơ sở đào tạo	**Mục tiêu của CTĐT (PEO)**									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực trình độ đại học, sau đại học; bồi dưỡng ngắn hạn; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phù	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X

hợp với Chiến lược Quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia, phục vụ phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước.										
Tầm nhìn: Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông trở thành Trường đại học ứng dụng, đa ngành, trên nền tảng số hàng đầu trong hệ thống giáo dục đại học Việt Nam.	X	X	X	X	X	X				
Triết lý giáo dục: Giáo dục toàn diện lấy người học làm trung tâm; đào tạo hình mẫu công dân số, kiến tạo tương lai, nuôi dưỡng lòng nhân ái.					X	X	X	X	X	X

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

III.1. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (Program Learning Outcomes & Performance Indicators)

Kí hiệu	Chuẩn đầu ra	Tỷ lệ % của PI
PLO1	**Vận dụng kiến thức về triết học để suy luận các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp phù hợp quy luật nhận thức, phù hợp đường lối của Đảng, tuân thủ pháp luận của nhà nước**	
PLO2	**Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp**	
PI 2.1	Thực hiện được việc phân tích nhu cầu ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và các hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp	70%
PI 2.2	Thực hiện được việc đánh giá chất lượng, hiệu quả của hệ thống công nghệ thông tin và đề xuất giải pháp nâng cấp, hiện đại hóa	30%
PLO3	**Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp**	
PI 3.1	Lập được kế hoạch đầu tư phát triển hệ thống CNTT phù hợp với kế hoạch chiến lược của doanh nghiệp	70%
PI 3.2	Quản trị hiệu quả hệ thống CNTT của doanh nghiệp. Đánh giá chất lượng hệ thống CNTT theo các tiêu chuẩn kỹ thuật.	30%
PLO4	**Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp**	
PI 4.1	Vận dụng tri thức quản trị và tri thức công nghệ về hệ thống công nghệ công tin trong điều hành hoạt động doanh nghiệp đảm bảo đồng bộ, linh hoạt, hiện đại	35%

Kí hiệu	Chuẩn đầu ra	Tỷ lệ % của PI
PI 4.2	Vận hành được hệ thống công nghệ thông tin an toàn, tin cậy, hiệu quả cho doanh nghiệp	45%
PI 4.3	Vận hành hiệu quả các công cụ trong các nghiệp vụ kinh doanh số	20%
PLO5	**Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý**	
PI 5.1	Vận dụng năng lực quản lý và kỹ thuật để đề xuất các giải pháp kỹ thuật công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của doanh nghiệp	70%
PI 5.2	Tiếp nhận, chuyển giao các công nghệ hiện đại trong doanh nghiệp	30%
PLO6	**Đạt trình độ ngoại ngữ đáp ứng bậc 4/6 (B2) theo khung năng lực 6 bậc Châu Âu (CEFR) hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương**	

III.2. Tương thích giữa chuẩn đầu ra và mục tiêu của chương trình đào tạo

PEOs	Chuẩn đầu ra CTĐT - PLOs					
	1	2	3	4	5	6
1		x				x
2			x			x
3				x		x
4					x	x

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ HỌC TẬP NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ

IV.1 Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

- Phân tích, xây dựng kế hoạch chiến lược và giải pháp quản lý quản trị doanh nghiệp ứng dụng chuyển đổi số.
- Tư vấn phát triển hệ thống CNTT phù hợp với nghiệp vụ và kế hoạch chiến lược cho doanh nghiệp.
- Triển khai dự án đầu tư hệ thống CNTT.
- Xây dựng hệ thống chuẩn chất lượng, đánh giá chất lượng hệ thống CNTT theo chuẩn chất lượng (hạ tầng ICT, phần mềm).
- Vận hành, bảo trì khai thác hiệu quả hệ thống CNTT (khai thác ứng dụng, công cụ; đào tạo bồi dưỡng đội ngũ).

- Tiếp nhận, chuyển giao công nghệ mới.

IV.2 Học tập nâng cao trình độ

- ✓ Người học tốt nghiệp có thể tiếp tục học nâng cao trình độ ở các bậc học Tiến sĩ tại các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước.
- ✓ Người học tốt nghiệp có thể tiếp tục học nâng cao trình độ thông qua các khóa đào tạo chuyên sâu hoặc theo học các chứng chỉ chuyên môn có liên quan.
- ✓ Người học tốt nghiệp có thể tự học để cập nhật kiến thức - kỹ năng theo sự phát triển của công nghệ và yêu cầu của công việc.

V. QUY ĐỊNH TUYỂN SINH, ĐÀO TẠO VÀ TỐT NGHIỆP

Thông tin tuyển sinh	Xem chi tiết tại website https://tuyensinh.ictu.edu.vn/thong-bao-tuyen-sinh-trinh-do-thac-sy-va-tien-sy-nam-2025/
Điều kiện nhập học	Xem chi tiết tại website https://tuyensinh.ictu.edu.vn/category/nhap-hoc/
Quy định đào tạo	Quy định số 482/QĐ-ĐHCNTT&TT về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ. Xem chi tiết tại website https://ictu.edu.vn/cac-van-ban-quan-ly-noi-bo-5/
Điều kiện tốt nghiệp	Quy định số 482/QĐ-ĐHCNTT&TT về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ. Xem chi tiết tại website https://ictu.edu.vn/cac-van-ban-quan-ly-noi-bo-5/

VI. CẤU TRÚC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Cấu trúc của chương trình đào tạo chia làm 4 khối kiến thức: Khối kiến thức giáo dục đại cương, Khối kiến thức cơ sở ngành; Khối kiến thức chuyên ngành; thực tập tốt nghiệp và đề án tốt nghiệp.

Khối kiến thức giáo dục đại cương:

Khối kiến thức giáo dục đại cương có tổng số là 9 tín chỉ (03 môn), cụ thể như sau:

Kiến thức chung		**Số tín chỉ**		
		Tổng	**Bắt buộc**	**Tự chọn**
		9	**9**	**0**
1	Triết học	3	3	0
2	Ngoại ngữ	3	3	0
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	0

Khối kiến thức cơ sở ngành

Khối kiến thức cơ sở ngành có tổng số là 24 tín chỉ với 8 môn học, trong đó có 15 tín chỉ bắt buộc (5 môn học) và 09 tín chỉ tự chọn (03 môn học), cụ thể như sau:

Kiến thức chung		**Số tín chỉ**		
		Tổng	**Bắt buộc**	**Tự chọn**
		24	**15**	**9**
1	Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp	3	3	0
2	Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	3	0
3	Quản trị nguồn lực thông tin	3	3	0
4	Phương pháp và mô hình dự báo	3	3	0
5	Quản lý hệ thống thông tin	3	3	0
6	Tự chọn 1	3	0	3
7	Tự chọn 2	3	0	3
8	Tự chọn 3	3	0	3
	Danh sách học phần cơ sở tự chọn (9 tín chỉ/ 3 học phần)			
6	**Tự chọn 1**			
6.1	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp	3	0	3
6.2	Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thông tin quản lý	3	0	3
7	**Tự chọn 2**			
7.1	Thương mại điện tử nâng cao	3	0	3
7.2	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử	3	0	3
8	**Tự chọn 3**			
8.1	Các công nghệ hiện đại trong doanh nghiệp	3	0	3
8.2	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý	3	0	3

Khối kiến thức chuyên ngành:

Khối kiến thức chuyên ngành có tổng số là 15 tín chỉ với 05 môn học, trong đó có 09 tín chỉ bắt buộc (03 môn học) và 06 tín chỉ tự chọn (02 môn học), cụ thể như sau:

Kiến thức chung		**Số tín chỉ**		
		Tổng	**Bắt buộc**	**Tự chọn**
		15	**9**	**6**
1	Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp	3	3	0
2	Quản lý quy trình nghiệp vụ	3	3	0

3	An ninh hệ thống thông tin	3	3	0
4	Tự chọn 4	3	3	0
5	Tự chọn 5	3	3	0
	Danh sách học phần cơ sở tự chọn (9 tín chỉ/ 3 học phần)			
4	**Tự chọn 4**			
4.1	Phân tích và trực quan dữ liệu trong doanh nghiệp	3	0	3
4.2	Hệ thống xử lý dữ liệu lớn	3	0	3
5	**Tự chọn 5**			
5.1	Quản trị hạ tầng mạng doanh nghiệp	3	0	3
5.2	Chính sách và pháp luật trong CNTT	3	0	3

- Thực tập tốt nghiệp và Đề án tốt nghiệp

Khối kiến thức chuyên ngành có tổng số là 15 tín chỉ gồm hai học phần bắt buộc, cụ thể như sau:

Kiến thức chung		**Số tín chỉ**		
		Tổng	**Bắt buộc**	**Tự chọn**
		15	**15**	**0**
1	Thực tập	6	6	
2	Đề án tốt nghiệp	9	9	

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

VII.1. Khung chương trình đào tạo

TT	**Mã học phần**	**Tên học phần**	**Số TC**	**TC TH**	**Học kỳ**	**Học phần TQ/HT/SH (0)/(2)/(1)**
Khối kiến thức giáo dục đại cương (Tổng số tín chỉ: 9 tín chỉ, trong đó bắt buộc: 9 tín chỉ, tự chọn: 0 tín chỉ)						
1	PHI131	Triết học	3	0	1	
2	FOL130	Ngoại ngữ	3	0	1	
3	SRM221	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	0	1	Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp (1)
Khối kiến thức cơ sở ngành (Tổng số tín chỉ: 24, trong đó bắt buộc: 15 tín chỉ, tự chọn: 9 tín chỉ)						

4	EAB330	Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp	3	0	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1)
5	SDA330	Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp	3	0	1	Quản trị nguồn lực thông tin (1)
6	IRM330	Quản trị nguồn lực thông tin	3	0	1	Phương pháp nghiên cứu khoa học (1)
7	FMM330	Phương pháp và mô hình dự báo	3	0	2	Quản lý hệ thống thông tin (1) Phương pháp nghiên cứu khoa học(0)
8	ISM330	Quản lý hệ thống thông tin	3	0	2	Phương pháp và mô hình dự báo (1); Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp (0)
9	SEL331	Tự chọn 1	3	0	2	Thương mại điện tử nâng cao (1)
10	SEL332	Tự chọn 2	3	0	2	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp (1)
11	SEL333	Tự chọn 3	3	0	2	Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp (0); Quản trị nguồn lực thông tin (0);
Danh sách học phần cơ sở tự chọn (9 tín chỉ/ 3 học phần)						
9	SEL331	**Tự chọn 1**				
9.1	DTE330	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp	3	0	2	
9.2	BMI330	Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thông tin quản lý	3	0	2	
10	SEL332	**Tự chọn 2**				

10.1	ACE330	Thương mại điện tử nâng cao	3	0	2	
10.2	DEC330	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử	3	0	2	
11	SEL333	**Tự chọn 3**				
11.1	PHI131	Các công nghệ hiện đại trong doanh nghiệp	3	0	2	
11.2	AAI330	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý	3	0	2	
Khối kiến thức chuyên ngành (Tổng số tín chỉ: 15, trong đó bắt buộc: 9 tín chỉ, tự chọn: 6 tín chỉ)						
12	ITP330	Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp	3	0	3	Quản lý quy trình nghiệp vụ (1) Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp (0)
13	BPM330	Quản lý quy trình nghiệp vụ	3	0	3	An ninh hệ thống thông tin (1) Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp (0)
14	ISS330	An ninh hệ thống thông tin	3	0	3	Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp (1); Quản lý hệ thống thông tin (0)
15	SLE324	Tự chọn 4	3	0	3	
16	SLE325	Tự chọn 5	3	0	3	
Danh sách các học phần tự chọn (6 tin chỉ/ 2 học phần)						
15	SLE324	**Tự chọn 4**				
15.1	DAV330	Phân tích và trực quan dữ liệu trong doanh nghiệp	3	0	3	
15.2	BDS330	Hệ thống xử lý dữ liệu lớn	3	0	3	

16	SLE325	**Tự chọn 5**				
16.1	MEN330	Quản trị hạ tầng mạng doanh nghiệp	3	0	3	
16.2	PLI330	Chính sách và pháp luật trong CNTT	3	0	3	
Thực tập, Đồ án tốt nghiệp (15 tín chỉ)						
17	ITM460	Thực tập	6	0	4	
18	GRT391	Đề án tốt nghiệp	9	0	4	
Tổng số tín chỉ tích lũy của CTĐT			**63**			

VII.2. Lưu đồ đào tạo

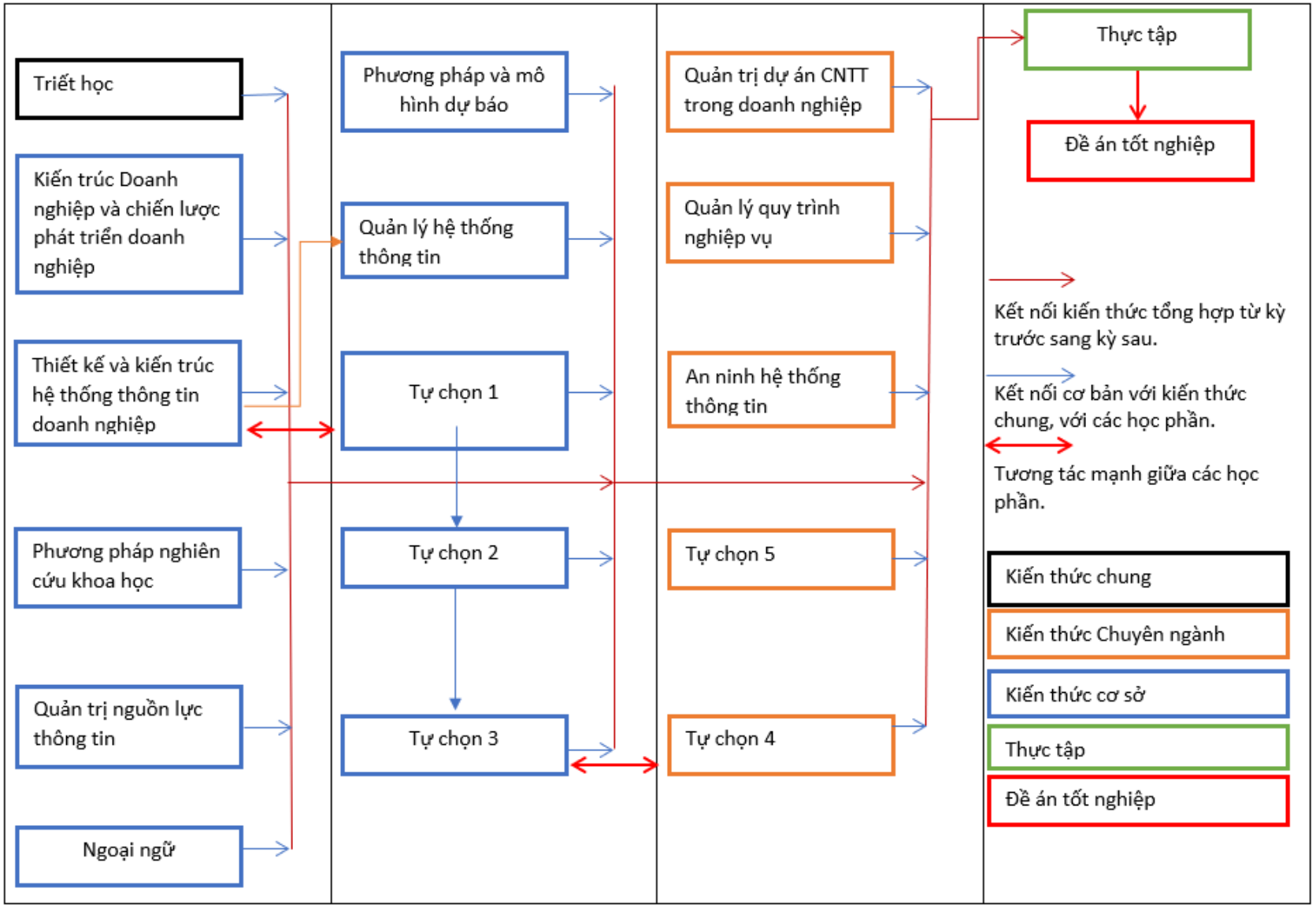

VII.3 Ma trận thể hiện đóng góp của các học phần đối với chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra CTĐT	PLO1	PLO2		PLO3		PLO4			PLO5		PLO6
Học phần		PI2.1	PI2.2	PI.3.1	PI.3.2	PI4.1	PI4.2	PI4.3	PI5.1	PI5.2	
	1R	1I, 1R, 1M	1R	1I, 1R	1R	1R	1I, 2R, 1M	1R	1I, 1R	1R	1I, 2R
Học kỳ 1											
Triết học	R										
Phương pháp nghiên cứu khoa học								I		I	I
Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp		I									
Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp				I							
Ngoại ngữ											R
Quản trị nguồn lực thông tin			R								
Học kỳ 2											
Phương pháp và mô hình dự báo		R									
Quản lý hệ thống thông tin							I				
Chuyển đổi số trong doanh nghiệp				R							
Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thông tin quản lý (tự chọn 1)				R							

Thương mại điện tử nâng cao								R			
Phát triển ứng dụng thương mại điện tử (tự chọn 2)								R			
Các công nghệ hiện đại trong doanh nghiệp						R				R	R
Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý (tự chọn 3)									R		R
Học kỳ 3											
Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp					R						
Quản lý quy trình nghiệp vụ							R				
An ninh hệ thống thông tin							R				
Hệ thống xử lý dữ liệu lớn (tự chọn 4)		M									
Phân tích và trực quan dữ liệu trong doanh nghiệp (tự chọn 4)		M									
Quản trị hạ tầng mạng doanh nghiệp							M				
Chính sách và pháp luật trong CNTT (tự chọn 5)							M				

VIII. CƠ SỞ VẬT CHẤT PHỤC VỤ HỌC TẬP

VIII.1 Hệ thống phòng thực hành, thí nghiệm

- Phòng thực hành Lab Samsung.
- Phòng máy tính.
- Phòng thực hành khoa học dữ liệu.
- Phòng thực hành mạng máy tính

VIII.2 Thư viện, phần mềm hỗ trợ dạy và học

- Thư viện Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông, Trung tâm Số - Đại học Thái Nguyên.
- Danh mục các trang web (xem trong bộ đề cương chi tiết).

IX. CÁC PHƯƠNG PHÁP DẠY - HỌC VÀ ĐÁNH GIÁ

IX.1 Các phương pháp dạy - học

Áp dụng phương pháp dạy – học hiện đại như học tích cực (Active Learning), học tập kết hợp (Blended Learning), mô hình đảo ngược (Flipped Classroom). Sử dụng những công cụ công nghệ hiện đại phục vụ học tập.

Các giảng viên tham gia giảng dạy cho chương trình đào tạo thường xuyên được tập huấn để tiếp cận các phương pháp giảng dạy mới. Đơn vị quản lý chuyên môn hợp tác với các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực chuyên ngành để nâng cao tính thực tế cho giảng viên và học viên.

IX.2 Các phương pháp đánh giá

Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, trình độ đào tạo, công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo các quy định hiện được thực hiện tại Trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền thông.

Phương pháp đánh giá được thực hiện trên cơ sở các yêu cầu trong chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và của từng học phần, theo tiêu chuẩn kiểm định do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, hướng tới chuẩn khu vực và quốc tế như AUN-QA.

IX.3 Đánh giá kết quả học tập

Kết quả học tập của học viên được đánh giá sau từng học kỳ, năm học, khóa học qua các tiêu chí sau:

- Số tín chỉ của các học phần mà học viên đăng ký học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký).
- Điểm trung bình chung học kỳ, năm học là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà học viên đăng ký học trong học kỳ, năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- Khối lượng kiến thức tích lũy là tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá loại đạt tính từ đầu khóa học.

- Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần mà học viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học.

IX.4 Đánh giá học phần

a. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm:

- Điểm chuyên cần có trọng số đánh giá nhận thức, thái độ và tính chuyên cần trong quá trình học của học viên.
- Điểm kiểm tra thường xuyên/giữa kỳ có trọng số, số lượng điểm kiểm tra phụ thuộc vào khối lượng của học phần trong chương trình đào tạo.
- Điểm thi kết thúc học phần có trọng số không dưới 50%.

Số lượng, hình thức và trọng số của các điểm đánh giá và cách tính điểm của học phần do đơn vị chuyên môn đề xuất và được Hiệu trưởng phê duyệt trong Đề cương chi tiết học phần.

b. Đối với học phần thực hành / kỹ năng: học viên phải tham dự đầy đủ các bài thực hành / buổi học để đạt yêu cầu.

c. Giảng viên giảng dạy chấm điểm chuyên cần, ra đề và chấm bài kiểm tra và công bố điểm công khai với lớp trong buổi học cuối cùng của học phần.

X. HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC

X.1 Hỗ trợ về học tập, nghiên cứu

Nhà trường có bộ phận sau đại học thuộc phòng đào tạo để hỗ trợ học viên về các công việc ngoài chuyên môn.

Khoa Công nghệ thông tin có bộ phận sau đại học để hỗ trợ học viên về chuyên môn trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học.

X.2 Hỗ trợ về sinh hoạt

Ký túc xá của Nhà trường có 12 tòa nhà, trong đó: 11 tòa nhà gồm 186 phòng ở sinh viên với đầy đủ tiện nghi, 01 nhà ăn tập thể 2.000m2 02 tầng dành cho sinh viên.

TRƯỞNG KHOA	**KT. HIỆU TRƯỞNG** **PHÓ HIỆU TRƯỞNG**
TS. Quách Xuân Trưởng	**TS. Nguyễn Duy Minh**

PHỤ LỤC 1: MÔ TẢ VẮN TẮT CÁC HỌC PHẦN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả	Mục tiêu của học phần	Chuẩn đầu ra của học phần
	Khối kiến thức giáo dục đại cương					
1.	PHI131	Triết học	3		Chương trình Triết học dùng cho học viên cao học không thuộc chuyên ngành Triết học nhằm nâng cao tính khoa học và tính hiện đại của lý luận, gắn lý luận với những vấn đề của thời đại và của đất nước, đặc biệt là nâng cao năng lực vận dụng lý luận vào thực tiễn, vào lĩnh vực khoa học chuyên môn của học viên cao học. Học phần trang bị cho học viên những kiến thức chung về các nội dung thuộc về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn; các nội dung về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; các nội dung về cách mạng khoa học công nghệ.	
2.	FOL130	Ngoại ngữ	3		Học phần cung cấp cho học viên khả năng sử dụng ngôn ngữ Anh chuyên ngành một cách hiệu quả trong các bối cảnh học thuật và nghề nghiệp liên quan đến quản lý CNTT. Sau khi hoàn thành học phần, học viên có thể: -Đọc hiểu và phân tích các tài liệu học thuật, báo cáo nghiên cứu, và tài liệu kỹ thuật chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý CNTT. -Viết báo cáo, bài nghiên cứu và tài liệu quản lý bằng tiếng Anh, đáp ứng các tiêu chuẩn học thuật và nghề nghiệp quốc tế.	

					-Thuyết trình, tranh luận và giao tiếp bằng tiếng Anh trong các tình huống học thuật và công việc, đặc biệt trong các dự án và hội nghị liên quan đến quản lý CNTT. -Sử dụng các thuật ngữ và cấu trúc ngôn ngữ đặc thù của lĩnh vực CNTT và quản lý một cách chính xác và tự tin. -Nâng cao khả năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên ngành thông qua các tài liệu và nguồn học tiếng Anh quốc tế.	
3.	SRM221	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3		Học phần trang bị cho học viên những kiến thức và phương pháp nghiên cứu khoa học nói chung và trong lĩnh vực KHMT nói riêng. Những kiến thức cung cấp cho học viên gồm 5 nội dung chính: Chương 1: Tổng quan về nghiên cứu khoa học. Chương 2. Quy trình nghiên cứu khoa học. Chương 3: Xây dựng tổng quan tài liệu và cơ sở lý thuyết. Chương 4: Viết đề cương, báo cáo khoa học. Chương 5: Thực hiện nghiên cứu và báo cáo khoa học.	
	Khối kiến thức cơ sở ngành					
4.	EAB330	Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp	3		Môn học giới thiệu những kiến thức, kỹ năng về kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp gắn với chức năng lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra của nhà quản trị, lựa chọn chiến lược phù hợp với mục tiêu phát doanh nghiệp; nhận thức và phản ứng với những thay đổi và sai lệch chiến lược nhằm mục tiêu nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao của thị trường.	
5.	SDA330	Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông	3		Học phần này nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thiết kế, triển khai và quản lý hệ thống thông tin doanh nghiệp, bao gồm các thành phần như dữ liệu,	

		tin doanh nghiệp			ứng dụng, công nghệ và con người. Học viên sẽ nắm vững vai trò của hệ thống thông tin trong việc tối ưu hóa quy trình kinh doanh và nâng cao hiệu suất của doanh nghiệp, cùng với việc tiếp cận các kiến trúc hiện đại như kiến trúc hướng dịch vụ (SOA) và tích hợp hệ thống (ESB, API). Đồng thời, học phần còn trang bị kiến thức về quản lý dữ liệu, bảo mật thông tin và các xu hướng công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), điện toán đám mây và Internet vạn vật (IoT). Qua đó, học viên có thể phân tích, thiết kế và đề xuất các giải pháp hệ thống thông tin hiệu quả, phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp trong bối cảnh chuyển đổi số.	
6.	IRM330	Quản trị nguồn lực thông tin	3		Học phần nhằm trang bị cho học viên các lý thuyết, phương pháp luận về phân tích và quản trị các nguồn lực trong doanh nghiệp, đặc biệt là kiến thức chuyên sâu về hệ thống ERP và ứng dụng của chúng. Phát triển kỹ năng phân tích, tối ưu hóa quy trình kinh doanh, xây dựng bài toán kinh tế và đưa ra quyết định chiến lược dựa trên dữ liệu từ hệ thống quản lý nguồn lực. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của quản trị nguồn lực, khuyến khích tư duy chủ động, sáng tạo trong việc nghiên cứu và hoàn thiện các hệ thống quản lý nhằm đạt tới trạng thái vận hành tối ưu của toàn bộ nền kinh tế và các khâu riêng biệt của nó.	
7.	FMM330	Phương pháp và mô hình dự báo	3		Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, các phương pháp, công cụ và dự báo kinh tế như: Phương pháp hồi quy với biến phụ thuộc là rời rạc và mô hình Tobit; phương pháp phân ra chuỗi thời gian và chuẩn bị dữ liệu, dự báo kinh tế; phương pháp phân tích chuỗi thời gian không dừng. Qua đó, trang bị	

					cho học viên những kiến thức và kỹ năng nền tảng quan trọng trong việc dự báo các hiện tượng và xu hướng kinh tế, phát triển các kỹ năng ứng dụng thực tiễn, khả năng tự tin giải quyết các vấn đề phức tạp trong lĩnh vực kinh tế hiện đại. Từ đó có thể xây dựng kế hoạch dự báo thông qua các ứng dụng EVIEWS, STATA và SPSS dựa trên các nguồn dữ liệu hiện có nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định trong các tình huống thực tế như đầu tư, chính sách tài chính, chiến lược kinh doanh.	
8.	ISM330	Quản lý hệ thống thông tin	3		Học phần Quản lý hệ thống thông tin thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan về hệ thống thông tin, quản trị các nguồn lực trong một hệ thống thông tin, quản trị quá trình thực hiện một dự án hệ thống thông tin. Học viên nắm được cách vận hành của các hệ thống thông tin khác nhau và nắm được các xu hướng và thách thức mới trong Quản lý hệ thống thông tin từ đó giúp học viên có thể vận dụng trong các hệ thống thông tin thực tế.	
9.	SEL331	Tự chọn 1	3			
10.	SEL332	Tự chọn 2	3			
11.	SEL333	Tự chọn 3	3			
12.						
Danh sách học phần cơ sở tự chọn (9 tín chỉ/ 3 học phần)						
1.	SEL331	**Tự chọn 1**				
	DTE330	Chuyển đổi số trong doanh	3		Học phần Chuyển đổi số trong doanh nghiệp nhằm trang bị cho học viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về quá trình chuyển đổi số, giúp doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động và khả	

		nghiệp			năng cạnh tranh. Học viên sẽ hiểu rõ cách ứng dụng các công nghệ tiên tiến như AI, dữ liệu lớn (Big Data) và điện toán đám mây vào quản lý và vận hành. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện kỹ năng xây dựng chiến lược số hóa, phân tích dữ liệu, và triển khai các giải pháp số phù hợp với quy mô doanh nghiệp.	
2.	BMI330	Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thông tin quản lý	3		Môn học này nhằm trang bị cho học viên kiến thức và kỹ năng về phân tích, thiết kế và triển khai các hệ thống thông tin quản lý hiện đại. Học viên sẽ học cách ứng dụng các phương pháp và công cụ quản lý dữ liệu, tích hợp các giải pháp công nghệ để hỗ trợ ra quyết định và tối ưu hóa quy trình quản lý trong tổ chức.	
	SEL332	**Tự chọn 2**				
3.	ACE330	Thương mại điện tử nâng cao	3		Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức nâng cao về thương mại điện tử, thị trường điện tử cũng như phạm vi, chức năng và lợi ích của thương mại điện tử đối với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, môn học còn giúp học viên có khả năng nắm bắt một số yếu tố cốt lõi khi ứng dụng thương mại điện tử vào doanh nghiệp như: kết cấu hạ tầng trong thương mại điện tử, các mô hình kinh doanh, luật thương mại điện tử, hệ thống giao dịch, cách thức thanh toán và quản trị an toàn thương mại điện tử,…	
4.	DEC330	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử	3		Mục tiêu của học phần là giúp học viên nắm vững các khái niệm cơ bản về ngôn ngữ lập trình Python, bao gồm cài đặt môi trường lập trình, biến, cấu trúc điều khiển, vòng lặp, cũng như khái niệm hàm và cách truyền tham số. Học viên sẽ học	

					cách thao tác với các kiểu dữ liệu ký tự, List, Tuple, Dictionary và Set. Ngoài ra, học viên cũng sẽ được giới thiệu về các khái niệm lớp, đối tượng, kế thừa và đóng gói trong lập trình hướng đối tượng. Học phần sẽ tập trung vào việc phát triển ứng dụng Django cơ bản, từ khởi tạo dự án đến cấu trúc ứng dụng, quản lý Models và sử dụng Django Admin. Cuối cùng, học viên sẽ được trang bị kỹ năng thiết kế giao diện người, xây dựng chức năng giỏ hàng và xử lý đơn hàng trong ứng dụng thương mại điện tử.	
	SEL333	**Tự chọn 3**				
5.	PHI131	Các công nghệ hiện đại trong doanh nghiệp	3		Học phần thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, nhằm trang bị cho học viên những kiến thức tổng quan về các công nghệ mới ứng dụng cho doanh nghiệp. Kết thúc học phần, học viên nắm được các xu hướng công nghệ và khả năng ứng dụng của nó trong hoạt động của doanh nghiệp.	
6.	AAI330	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý	3		Môn học này giúp học viên nắm vững các khái niệm cơ bản và các ứng dụng thực tiễn của trí tuệ nhân tạo trong quản lý công nghệ thông tin. Học viên sẽ được tìm hiểu về các thuật toán học máy, xử lý ngôn ngữ tự nhiên, và khai phá dữ liệu, cũng như cách áp dụng chúng để giải quyết các vấn đề trong quản lý và tối ưu hóa hoạt động của doanh nghiệp.	
Khối kiến thức chuyên ngành						
12.	ITP330	Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp	3		Học phần Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp cung cấp cho học viên những kiến thức khái niệm, vòng đời và nguyên tắc cơ bản của quản trị dự án CNTT trong cơ quan tổ chức hoặc doanh nghiệp. Trang bị cho học viên các kỹ năng tổ chức,	

					quản lý, đánh giá và kiểm soát các các vấn đề chính như phạm vi, lịch biểu, rủi ro, ngân sách và hồ sơ dự án CNTT.	
13.	BPM330	Quản lý quy trình nghiệp vụ	3		Học phần cung cấp các khái niệm, phương pháp tiếp cận và ứng dụng khác nhau để tái cấu trúc quy trình nghiệp vụ, các biện pháp để có những cải tiến trên thị trường kinh doanh. Học phần giúp cho người học thấy được tác động việc tái cấu trúc các quy trình có thể làm tăng lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp. Sử dụng một số case study phổ biến ở các công ty với việc sắp xếp hợp lý các quy trình của họ đã làm giảm chi phí hoạt động đáng kể, tạo ra sự vượt trội và làm tăng giá trị cho tất cả các bên liên quan.	
14.	ISS330	An ninh hệ thống thông tin	3		Học phần An ninh hệ thống thông tin cung cấp cho học viên những kiến thức chuyên sâu về an ninh, an toàn hệ thống thông tin, trang bị cho học viên các kỹ năng phân tích, đánh giá và quản lý rủi ro bảo mật thông tin. Học viên tốt nghiệp có thể vận hành doanh nghiệp dựa trên CNTT: Đào tạo học viên cách thức điều hành và quản lý các hệ thống CNTT trong doanh nghiệp, đảm bảo an ninh thông tin và quản trị hiệu quả hạ tầng mạng doanh nghiệp.	
15.	SLE324	Tự chọn 4	3			
16.	SLE325	Tự chọn 5	3			
Danh sách các học phần tự chọn (6 tin chỉ/ 2 học phần)						
1.	SLE324	**Tự chọn 4**				
2.	BDS330	Hệ thống xử lý dữ liệu lớn	3		Học phần nhằm trang bị cho người học kiến thức nền tảng và kỹ năng về các công nghệ, kiến trúc và phương pháp xử lý dữ liệu lớn hiện nay. Sau khi hoàn thành, học viên	

					có thể hiểu và vận dụng Hadoop, NoSQL, các kỹ thuật xử lý dữ liệu lớn theo khối, đồng thời nắm được kiến trúc và các phương pháp phân tích dữ liệu lớn để áp dụng vào các bài toán thực tế.	
3.	DAV330	Phân tích và trực quan dữ liệu trong doanh nghiệp	3		Học phần này nhằm cung cấp cho học viên kiến thức nền tảng và chuyên sâu về phân tích và trực quan hóa dữ liệu trong bối cảnh doanh nghiệp. Thông qua việc áp dụng các công cụ và kỹ thuật phân tích hiện đại, học viên sẽ nắm vững quy trình thu thập, xử lý, phân tích, và trực quan hóa dữ liệu để hỗ trợ ra quyết định chiến lược. Đồng thời, học phần cũng tập trung vào các xu hướng mới như dữ liệu lớn, phân tích thời gian thực, và ứng dụng Machine Learning, đảm bảo học viên có khả năng xử lý và khai thác hiệu quả dữ liệu doanh nghiệp.	
4.	SLE325	**Tự chọn 5**				
5.	MEN330	Quản trị hạ tầng mạng doanh nghiệp	3		Học phần giúp học viên có khả năng quản trị và vận hành hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Cung cấp các kiến thức về quản trị hệ thống, quản lý đội ngũ quản trị viên, triển khai hạ tầng phần cứng, phần mềm, ứng dụng. Đảm bảo khả năng vận hành của hệ thống, lên kế hoạch sao lưu và khôi phục hệ thống sau thảm họa.	
6.	PLI330	Chính sách và pháp luật trong CNTT	3		Học phần nhằm trang bị cho học viên các khái niệm và văn bản pháp luật quan trọng về CNTT ở Việt Nam và quốc tế, hiểu rõ vai trò, tác động của chúng đối với phát triển, ứng dụng CNTT trong các lĩnh vực, đồng thời cập nhật kịp thời các xu hướng chính sách mới để vận dụng phù hợp. Người học có khả năng vận dụng pháp luật để phân tích, xử lý vấn đề phát sinh trong	

					hoạt động CNTT, xây dựng giải pháp tuân thủ nhằm giảm rủi ro, tổng hợp thông tin để ra quyết định quản lý phù hợp, cũng như rèn luyện kỹ năng nghiên cứu và cập nhật quy định mới. Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng cùa quàn trị nguồn lực, khuyến khích tư duy chù động, sáng tạo trong việc nghiên cứu và hoàn thiện các hệ thống quàn lý nhằm đạt tới trạng thái vận hành tối ưu cùa toàn bộ nền kinh tế và các khâu riêng biệt cùa nó.	
Thực tập, Đồ án tốt nghiệp (15 tín chỉ)						
17.	ITM460	Thực tập	6			
18.	GRT391	Đề án tốt nghiệp	9			
Tổng số tín chỉ tích lũy của CTĐT			63			

PHỤ LỤC 2: ĐỐI SÁNH CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VỚI KHUNG TRÌNH ĐỘ QUỐC GIA

Khung trình độ quốc gia	Chuẩn đầu ra CTĐT
Kiến thức	
Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.	PLO 1: Vận dụng kiến thức về triết học để suy luận các vấn đề thực tiễn tại doanh nghiệp phù hợp quy luật nhận thức, phù hợp đường lối của Đảng, tuân thủ pháp luận của nhà nước
Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp
Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp
Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn	PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp
Kỹ năng	
Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp
Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp
Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường	PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý

không xác định hoặc thay đổi	
Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý
Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý
Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung lực ngoại ngữ của Việt Nam	PLO 6: Đạt trình độ ngoại ngữ đáp bậc 4/6 (B2) theo khung năng lực 6 bậc Châu Âu (CEFR) hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương
Mức tự chủ và trách nhiệm	
Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý
Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý
Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động	PLO2: Thực hiện việc lên chiến lược phát triển công nghệ thông tin cho doanh nghiệp PLO3: Triển khai được quy trình chuyển đổi số cho doanh nghiệp

	PLO4: Vận dụng Công nghệ thông tin trong vận hành doanh nghiệp PLO5: Thực hiện được việc nghiên cứu khoa học - công nghệ trong quản lý

PHỤ LỤC 3: ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chương trình đào tạo tham khảo

- Tên ngành: Quản lý công nghệ thông tin
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Cơ sở đào tạo: Trường đại học Quốc tế- Đại học quốc gia TPHCM

2. Bảng đối chiếu, so sánh:

STT	Học phần ICTU	Học phần đối sánh	Số TC	Mức độ tương đồng
1	Triết học	Triết	3	Trùng khớp
2	Ngoại ngữ	-	-	-
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Phương pháp luận NCKH	3	Tương đương
4	Kiến trúc doanh nghiệp và chiến lược phát triển doanh nghiệp	-	-	-
5	Thiết kế và kiến trúc hệ thống thông tin doanh nghiệp	Phân tích thiết kế cơ sở dữ liệu doanh nghiệp	3	Tương đương
6	Quản trị nguồn lực thông tin	Khai phá dữ liệu trong quản trị thông minh	3	Tương đương
7	Phương pháp và mô hình dự báo	-	-	-
8	Quản lý hệ thống thông tin	Quản lý hệ thống thông tin	3	Tương đương
9	Tự chọn 1			
9.1	Chuyển đổi số trong doanh nghiệp	Chuyển đổi số và quản trị dữ liệu doanh nghiệp	-	Tương đương
9.2	Xây dựng chiến lược phát triển hệ thống thông tin quản lý	-	-	-
10	Tự chọn 2	Chuyên đề 1	3	Tương đương
10.1	Thương mại điện tử nâng cao			
10.2	Phát triển ứng dụng thương mại điện tử			
11	Tự chọn 3		-	
11.1	Các công nghệ hiện đại trong doanh nghiệp	Công nghệ mới trong kỹ thuật lập trình	3	Tương đương
11.2	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý	-	-	-
12	Quản trị dự án CNTT trong doanh nghiệp	Quản lý dự án CNTT	3	Tương đương
13	Quản lý quy trình nghiệp vụ	-	-	-
14	An ninh hệ thống thông tin	Quản trị rủi ro và bảo mật Công nghệ thông tin	3	Tương đương
15	Tự chọn 4			
15.1	Phân tích và trực quan dữ liệu trong doanh nghiệp	Phân tích, thiết kế, đánh giá và quản lý đầu tư dự án CNTT	3	Tương đương
15.2	Hệ thống xử lý dữ liệu lớn	-	-	-
16	Tự chọn 5			
16.1	Quản trị hạ tầng mạng doanh nghiệp	Phân tích thiết kế và quản trị mạng máy tính	3	Tương đương
16.2	Chính sách và pháp luật trong CNTT	-	-	-

17	Thực tập	-	-	-
18	Đề án tốt nghiệp	Luận văn	9	Tương đương